

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Cùng kỳ	So sánh ước thực hiện với	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2		3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	720.791	389.182	373.914	54,0%	104,1%
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	495.954	210.613	311.647	42,5%	67,6%
I	Chi đầu tư phát triển	67.620	32.882	150.393	48,6%	21,9%
1	Nguồn vốn XDDB tập trung	8.120	6.444	7.486	79,4%	86,1%
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	57.000	23.939	18.768	42,0%	127,5%
3	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	2.500	2.500	2.000	100,0%	125,0%
4	Vốn ngân sách tỉnh BSMT			110.677		0,0%
5	Tạm ứng năm trước chuyển sang			11.462		0,0%
II	Chi thường xuyên	418.414	177.615	161.139	42,4%	110,2%
	Trong đó:			-		
1	Chi An ninh	754	462	421	61,3%	109,8%
2	Chi Quốc phòng	4.401	3.030	3.240	68,8%	93,5%
3	Chi đặc thù huyện biên giới	240		-	0,0%	
4	Chi SN giáo dục, đào tạo, dạy nghề	288.762	123.532	102.117	42,8%	121,0%
5	Chi SN khoa học, công nghệ	200	3	3	1,5%	100,0%
6	Chi SN văn hóa thông tin	2.261	960	1.054	42,4%	91,1%
7	Chi SN phát thanh, truyền hình	385	60	47	15,6%	126,7%
8	Chi SN thể dục, thể thao	450	232	273	51,5%	84,8%
9	Chi SN đảm bảo xã hội	40.700	23.720	28.317	58,3%	83,8%
10	Chi SN kinh tế	29.930	5.389	6.646	18,0%	81,1%
11	Chi SN môi trường	6.090	-	1.047	0,0%	0,0%
12	Chi SN Y tế	3.782	1.909	1.810	50,5%	105,5%
13	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	39.268	18.181	16.037	46,3%	113,4%
14	Chi khác ngân sách	1.191	139	127	11,7%	109,4%
15	Tiết kiệm chi TX 10% tăng thêm so với năm 2022			-		
III	Dự phòng ngân sách	9.920			0,0%	
IV	Chi tạm ứng		115	115		100,0%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	143.448	118.715	10.252	82,8%	1158,0%
I	Bổ sung mục tiêu đầu năm	143.448	118.715	10.252	82,8%	1158,0%
II	Bổ sung mục tiêu trong năm					
C	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	81.389	59.854	52.014	73,5%	115,1%